ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4379 /QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa toàn tỉnh năm 2027

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 965/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 11 năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành "Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa toàn tỉnh năm 2027"

1. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất lúa nhằm mục đích nâng cao hiệu quả sản xuất đối với diện tích đất lúa kém hiệu quả.

2. Phù hợp với định hướng phát triển trồng trọt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, xây dựng vùng hàng hoá tập trung.

3. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Trồng trọt năm 2018; Điều 6, Điều 8 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa; Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và các quy định khác có liên quan.

(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2: Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn toàn tỉnh. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Căn cứ Quyết định ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa toàn tỉnh năm 2027, ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn xã, phường, hoàn thành trước ngày 30/12/2026.

b) Kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa thuộc phạm vi quản lý; báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tại địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (đ/c Hưng);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã, phường;
- CVP, Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Khanh);
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NLN (Minh).

KT. CHỦ TICH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Quốc Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa toàn tỉnh năm 2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4379/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: ha

STT	Tỉnh Lào Cai	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
	Tổng số	**189,21**	**115,29**	**71,92**	**2,00**
-	Trồng cây hàng năm	154,55	113,59	39,96	1,00
-	Trồng cây lâu năm	16,96	-	15,96	1,00
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	17,70	1,70	16,00	-
	Trong đó:				
1	**Phường Âu Lâu**	**2,16**	**1,30**	**0,86**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	1,66	1,30	0,36	-
-	Trồng cây lâu năm	0,50	-	0,50	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
2	**Phường Nam Cường**	**0,50**	**0,40**	**0,10**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	0,40	0,40	-	-
-	Trồng cây lâu năm	0,10	-	0,10	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
3	**Phường Cầu Thia**	**10,79**	**9,84**	**0,95**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	9,84	9,84	-	-
-	Trồng cây lâu năm	0,95	-	0,95	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
4	**Xã Mù Cang Chải**	**3,00**	**3,00**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	3,00	3,00	-	-

STT	Tỉnh Lào Cai	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
5	**Xã Tà Xi Láng**	**0,50**	**-**	**0,50**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	0,50	-	0,50	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
6	**Xã Liên Sơn**	**2,00**	**2,00**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	2,00	2,00	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
7	**Xã Nghĩa Tâm**	**8,50**	**4,50**	**4,00**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	6,50	4,50	2,00	-
-	Trồng cây lâu năm	2,00	-	2,00	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
8	**Xã Việt Hồng**	**0,75**	**-**	**0,75**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	-	-	-	-
-	Trồng cây lâu năm	**0,75**	-	**0,75**	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
9	**Xã Đông Cuông**	**7,00**	**7,00**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	7,00	7,00	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
10	**Xã Mậu A**	**7,50**	**7,50**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	7,50	7,50	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-

STT	Tỉnh Lào Cai	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
11	**Xã Xuân Ái**	**0,70**	**0,70**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	0,70	0,70	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
12	**Xã Lục Yên**	**0,74**	**-**	**0,74**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	-	-	-	-
-	Trồng cây lâu năm	0,74	-	0,74	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
13	**Xã Tân Lĩnh**	**0,50**	**0,15**	**0,35**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	0,15	0,15	-	-
-	Trồng cây lâu năm	0,35	-	0,35	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
14	**Xã Mường Lai**	**6,98**	**-**	**6,98**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	-	-	-	-
-	Trồng cây lâu năm	6,98	-	6,98	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
15	**Xã Cảm Nhân**	**4,50**	**-**	**4,50**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	4,40	-	4,40	-
-	Trồng cây lâu năm	0,10	-	0,10	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
16	**Xã Trấn Yên**	**2,10**	**1,20**	**0,90**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	1,20	1,20	-	-
-	Trồng cây lâu năm	0,90	-	0,90	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
17	**Xã Lương Thịnh**	**1,20**	**-**	**1,20**	**-**

STT	Tỉnh Lào Cai	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
-	Trồng cây hàng năm	-	-	-	-
-	Trồng cây lâu năm	1,20	-	1,20	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
18	**Xã Quy Mông**	**0,50**	**-**	**0,50**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	-	-	-	-
-	Trồng cây lâu năm	0,50	-	0,50	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
19	**Xã Sơn Lương**	**3,00**	**3,00**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	3,00	3,00	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
20	**Xã Dền Sáng**	**12,20**	**-**	**12,20**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	12,20	-	12,20	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
21	**Xã Y Tý**	**3,00**	**-**	**3,00**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	3,00	-	3,00	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
22	**Xã Trịnh Tường**	**10,00**	**-**	**10,00**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	10,00	-	10,00	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
23	**Xã Phong Hải**	**0,50**	**-**	**0,50**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	0,50	-	0,50	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-

STT	Tỉnh Lào Cai	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
24	**Xã Bản Hồ**	**0,16**	**-**	**0,16**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	-	-	-	-
-	Trồng cây lâu năm	0,16	-	0,16	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
25	**Xã Tả Phìn**	**6,00**	**-**	**6,00**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	6,00	-	6,00	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
26	**Xã Khánh Yên**	**1,50**	**1,50**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	1,00	1,00	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,50	0,50	-	-
27	**Xã Nậm Xé**	**0,55**	**-**	**0,55**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	-	-	-	-
-	Trồng cây lâu năm	0,55	-	0,55	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
28	**Xã Xuân Hòa**	**2,00**	**2,00**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	2,00	2,00	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
29	**Xã Hợp Thành**	**8,50**	**8,50**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	8,50	8,50	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-

STT	Tỉnh Lào Cai	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
30	**Xã Bản Lầu**	**31,50**	**31,50**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	31,50	31,50	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
31	**Xã Bảo Nhai**	**0,18**	**-**	**0,18**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	-	-	-	-
-	Trồng cây lâu năm	0,18	-	0,18	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-
32	**Xã Bảo Hà**	**6,20**	**6,20**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	5,00	5,00	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	1,20	1,20	-	-
33	**Xã Bản Liền**	**19,00**	**-**	**17,00**	**2,00**
-	Trồng cây hàng năm	2,00	-	1,00	1,00
-	Trồng cây lâu năm	1,00	-	-	1,00
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	16,00	-	16,00	-
34	**Xã Nghĩa Đô**	**25,00**	**25,00**	**-**	**-**
-	Trồng cây hàng năm	25,00	25,00	-	-
-	Trồng cây lâu năm	-	-	-	-
-	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-